

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các công ty và nhà cung cấp vật tư y tế tại Việt Nam

Bệnh viện Đa khoa Hà Đông đang có nhu cầu tiếp nhận báo giá với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu: Bệnh viện Đa khoa Hà Đông (Số 2 Bế Văn Đàn, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội.)

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

+ Nhân viên: Nguyễn Thị Thủy – Phòng Vật tư TBVT

+ Điện thoại: 0902.824.359

+ Email: vtytbvhd@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá

+) Gửi bản cứng báo giá về địa chỉ: Bộ phận văn thư – Bệnh viện Đa khoa Hà Đông (Số 2 Bế Văn Đàn, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội)

+) Gửi bản mềm báo giá File excel vào Email: vtytbvhd@gmail.com (Bản mềm phải giống bản cứng đã gửi)

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 20/08/2026 đến trước 9h ngày 03/09/2026.

Lưu ý: Báo giá nhận sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày ký.

6. Báo giá đã bao gồm thuế, phí và lệ phí khác nếu có.

7. Gửi kèm các quyết định trúng thầu còn hiệu lực trong vòng 12 tháng (nếu có).

8. Bệnh viện sẽ mời đơn vị báo giá vào làm việc khi cần tìm hiểu thêm các thông tin. (Nếu có)

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục, số lượng mua sắm vật tư can thiệp mạch năm 2026 tại Bệnh viện Đa khoa Hà Đông

2. Địa điểm: Bệnh viện Đa khoa Hà Đông.

3. Thời gian cung ứng: Ngay sau khi có kết quả trúng thầu và ký kết hợp đồng.

4. Dự kiến về điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thời hạn dự kiến thanh toán trong vòng 90 ngày kể từ khi bàn giao đầy đủ hồ sơ chứng từ đúng quy định cho Bệnh viện. Hình thức thanh toán bằng chuyển khoản.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- BGĐ Bệnh viện;
- Tổ truyền thông (để th/báo trên Website Bệnh viện);
- Lưu: VT, VTTBYT(Thủy).



GIÁM ĐỐC *Đmt*

Nguyễn Thành Vinh

PHU LỤC
(Kèm theo thư mời báo giá số: *904* /TM-BV ngày *20/1/8* /2026)

STT	Mã vật tư	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
I		Khung giá đỡ và Stent				
1	CTM1	Khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Everolimus loại I	- Khung giá đỡ mạch vành chất liệu hợp kim Cobalt Chromium hoặc Platinum Chromium, phủ thuốc Everolimus trộn với polymer - Độ dày thành stent $\geq 80\mu\text{m}$ - Đường kính: từ $\leq 2.0\text{mm}$ đến $\geq 4.0\text{mm}$ - Chiều dài: từ $\leq 8\text{mm}$ đến $\geq 48\text{mm}$ - Bóng nong: - Có chứng nhận FDA hoặc CE - Xuất xứ: Châu Âu	1 Cái/ Hộp	Cái	20
2	CTM2	Khung giá đỡ động mạch vành không polymer, phủ thuốc	- Chất liệu: hợp kim Cobalt Chromium (L-605) Độ dày khung: $\leq 80\mu\text{m}$; không chứa polymer - Phủ thuốc mật độ $\leq 1.2\mu\text{g}/\text{mm}^2$ - Có điểm đánh dấu cân quang - Đường kính stent: từ $\leq 2.25\text{mm}$ đến $\geq 4.00\text{mm}$. Có tối thiểu 7 cỡ khác nhau - Chiều dài stent: từ $\leq 9\text{mm}$ đến $\geq 36\text{mm}$. Có tối thiểu 8 cỡ khác nhau - Có chứng nhận ISO và CE - Xuất xứ: Các nước thuộc G7	1 Cái/ Hộp	Cái	30
3	CTM3	Khung giá đỡ động mạch vành bọc thuốc Zotarolimus	- Khung bằng hợp kim cobalt lõi platinum- Iridium hoặc tương đương, có phủ thuốc trộn với polymer - Có độ dày thành stent $\leq 91\mu\text{m}$ - Phủ thuốc Zotarolimus có trộn với polymer - Đường kính khung từ $\leq 2.0\text{mm}$ đến $\geq 5.0\text{mm}$ - Chiều dài khung: từ $\leq 8\text{mm}$ đến $\geq 38\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA (PMA) và CE	1 Cái/ Hộp	Cái	20

4	CTM4	Khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Sirolimus	Chất liệu khung cobalt-crom hoặc tương đương - Phủ thuốc Sirolimus - Áp lực định danh: ≤ 10 atm - Áp lực nổ ≥ 18 atm Kích cỡ khung giá đỡ: - Đường kính stent: từ ≤ 2.25mm đến ≥ 4.0mm - Độ dài stent: từ ≤ 13mm đến ≥ 58mm - Có chứng nhận FDA hoặc CE - Xuất xứ: các nước Châu Mỹ	1 Cái/ Hộp	Cái	50
5	CTM5	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus cho tổn thương phức tạp	Khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Sirolimus hoặc Zotarolimus - Độ dày thanh chống: $\geq 71\mu\text{m}$ và $\leq 81\mu\text{m}$ - Đường kính khung tối thiểu ≤ 2.25mm; tối đa ≥ 5.0mm - Chiều dài khung tối thiểu ≤ 8mm; tối đa ≥ 40mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE - Xuất xứ: G7	1 Cái/ Hộp	Cái	30
6	CTM6	Khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc sirolimus và polymer ổn định sinh học, khung CoCr L605, thiết kế mắt mở open cell, công nghệ phủ nano	Khung giá đỡ mạch vành phủ thuốc Sirolimus, khung CoCr L605. độ dày thành stent $\geq 75\mu\text{m}$. Polymer fluoro-acrylate. Nồng độ thuốc $\geq 1.4\mu\text{g/mm}^2$. Khả năng nở rộng stent: 2.0, 2.25, 2.5 nở đến ≥ 4mm; 2.75, 3.0, 3.5 nở đến ≥ 5.25mm; 4.0, 4.5 nở đến ≥ 6mm. Khả năng mở rộng mắt stent để đưa dụng cụ hoặc stent khác qua nhánh bên: 2.0, 2.25, 2.5 nở đến ≥ 3.5mm; 2.75, 3.0, 3.5 nở đến ≥ 3.75mm; 4.0, 4.5 nở đến ≥ 5mm. Đường kính stent từ ≤ 2.0 đến ≥ 4.5mm. Chiều dài stent: từ ≤ 9 đến ≥ 49mm. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE.	1 Cái/ Hộp	Cái	80
7	CTM7	Khung giá đỡ mạch vành có màng bọc	- Khung giá đỡ được phủ lớp Silicon siêu mỏng có tính tương thích sinh học - Lớp màng bọc bằng chất liệu electrospon polyurethane hoặc tương đương - Áp lực thường 7-8atm, áp lực tối đa 14-16atm - Thanh stent có 3 loại độ dày: 60μm, 80μm, 120μm tùy đường kính - Chiều dài khả dụng ± 140cm, dây dẫn tương thích 0.014" - Đường kính: tối thiểu ≤ 2.5mm, tối đa ≥ 5.0mm - Chiều dài: tối thiểu ≤ 15mm, tối đa ≥ 26mm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO, FDA và CE - Xuất xứ: OECD/ Châu Âu	1 Cái/ Hộp	Cái	2

8	CTM8	Khung đỡ mạch vành bằng hợp kim Cobalt Chromium, phủ thuốc Sirolimus có trộn với polymer tự tiêu, có chiều dài lớn	- Khung bằng chất liệu hợp kim Cobalt Chromium - Phủ thuốc Sirolimus có trộn với polymer tự tiêu - Độ dày thành chống $\leq 60\mu\text{m}$ - Đường kính khung tối thiểu $\leq 2.0\text{ mm}$, đường kính khung tối đa $\geq 4.5\text{ mm}$ - Chiều dài khung tối thiểu $\leq 8\text{ mm}$, chiều dài khung tối đa $\geq 54\text{ mm}$ - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA hoặc CE hoặc ISO - Xuất xứ: G20	1 Cái/ Hộp	Cái	30
9	CTM9	Stent mạch vành thiết kế siêu mỏng	Khung giá đỡ (stent) mạch vành chất liệu Cobalt Crom L-605 hoặc tương đương - Độ dày của khung stent $\leq 60\mu\text{m}$ - Thuốc phủ: Sirolimus, nồng độ $\geq 1.4\mu\text{g/mm}^2$ - Polymer mang thuốc có cấu trúc $\geq 3\text{ lớp}$ - Áp suất danh định bóng trong stent từ đủ 8-11 atm - Đường kính từ $\leq 2.0\text{mm}$ đến $\geq 4.5\text{mm}$. Chiều dài từ $\leq 8\text{mm}$ đến $\geq 48\text{mm}$ - Tiêu chuẩn: CE hoặc FDA - Xuất xứ: EU	1 Cái/ Hộp	Cái	80
10	CTM10	Khung giá đỡ mạch vành phủ thuốc Everolimus đạt tiêu chuẩn FDA	- khung bằng hợp kim Platinum Chromium - Phủ thuốc có trộn polymer, bóng 2 lớp - Độ dày khung $\leq 81\mu\text{m}$ - Đường kính tối thiểu $\leq 2.25\text{mm}$, đường kính khung tối đa $\geq 5.0\text{mm}$ - Chiều dài khung tối thiểu $\leq 10\text{mm}$, chiều dài khung tối đa $\geq 38\text{mm}$ - Độ giãn nở tối đa lên tới $\geq 5.75\text{mm}$ - Đạt tiêu chuẩn FDA (PMA) và CE.	1Cái/Hộp	Cái	20

11	CTM11	Giá đỡ mạch vành phủ thuốc Sirolimus có hai loại độ dày	Stent mạch vành phủ thuốc Sirolimus với lớp phủ kép Biolute và ProBio hoặc tương đương. - Vật liệu stent bằng Cobalt Chromium phủ lớp Silicon Carbide siêu mỏng hoặc tương đương. - Liều lượng thuốc: $\pm 1.4\mu\text{g}/\text{mm}^2$ - Độ dày thanh stent: có 2 độ dày $60\mu\text{m}$ và $80\mu\text{m}$ - Công nghệ ép stent sát trên nền bóng. - Đường kính: tối thiểu $\leq 2.25\text{mm}$ và tối đa $\geq 4.0\text{mm}$; chiều dài: tối thiểu $\leq 9\text{mm}$ và tối đa $\geq 40\text{mm}$. - Áp lực thường: $\leq 10\text{ atm}$, áp lực tối đa $\geq 16\text{ atm}$ - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO, FDA và CE - Xuất xứ: OECD/ Châu Âu.	1 Cái/ Hộp	Cái	20
12	CTM12	Stent mạch vành giải phóng thuốc Biolimus A9	- Khung giá đỡ (stent) mạch vành chất liệu hợp kim, phủ thuốc Biolimus A9 có trộn polymer tự tiêu - Đường kính khung từ 2.25mm - 4.0mm - Chiều dài khung từ 9mm - 36mm - Có chứng nhận ISO, CE	1 Cái/ Hộp	Cái	20
13	CTM13	Khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Biolimus A9	Khung giá đỡ (stent) động mạch vành phủ thuốc Biolimus A9, không trộn polymer. Chất liệu Khung Cobalt Chromium hoặc kim loại - Đường kính: từ $\leq 2.25\text{mm}$ đến $\geq 4.0\text{mm}$ - Chiều dài: từ $\leq 9\text{mm}$ đến $\geq 36\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc MHLW Nhật Bản	1 Cái/ Hộp	Cái	30
14	CTM14	Khung giá đỡ (Stent) động mạch chậu có lớp phủ sinh học vĩnh viễn loại tự nở	- Stent mạch ngoại biên loại tự nở, chất liệu hợp kim Nickel Titanium (Nitinol) - Có đầu móc cản quang - Chiều dài: từ ≤ 40 đến $\geq 100\text{ mm}$ - Đường kính: $\geq 9\text{mm}$ - Tương thích dây dẫn $0.035''$, Sheath 6F - Có 2 loại chiều dài ống thông: $\leq 85\text{cm}$ và $\geq 130\text{cm}$ - Có chứng nhận ISO, CE - Xuất xứ: EU	01 cái/ hộp	Cái	20

15	CTM15	Khung giá đỡ (Stent) động mạch đùi có lớp phủ sinh học vĩnh viễn loại tự nở	- Stent mạch đùi loại tự nở, chất liệu hợp kim Nickel Titanium (Nitinol) - Có dấu mốc cân quang - Chiều dài: từ ≤ 40 đến ≥ 150 mm - Đường kính: từ ≤ 6 đến ≥ 8 mm - Tương thích dây dẫn 0,035", Sheath 6F - Có 2 loại chiều dài ống thông: ≤ 85cm và ≥ 130cm - Có chứng nhận ISO, CE - Xuất xứ: EU	01 cái/ hộp	Cái	20
16	CTM16	Khung giá đỡ (Stent) động mạch chi dưới gói phủ thuốc	- Chất liệu: Hợp kim Cobalt Chromium (L-605). Độ dày khung: ≤ 85 μm - Phủ thuốc mật độ ≤ 1.4 μg/mm² - Có điểm đánh dấu cân quang - Chiều dài ống thông mang stent: 142 cm - Đường kính stent: từ ≤ 2.25mm đến ≥ 4.50mm - Chiều dài stent: từ ≤ 9mm đến ≥ 38mm - Có chứng nhận ISO và CE - Xuất xứ: EU	01 cái/ hộp	Cái	10
17	CTM17	Khung giá đỡ (Stent) động mạch chi loại tự nở phủ thuốc	- Stent mạch chi phủ thuốc - Có các điểm đánh dấu chấn bức xạ tại 2 đầu stent - Có 2 loại chiều dài ống thông: ≤ 85cm và ≥ 130cm - Đường kính: từ ≥ 6mm đến ≤ 8mm - Chiều dài: từ ≤ 40mm đến ≥ 150mm - Sheath tương thích: 6F - Có chứng nhận ISO và CE - Xuất xứ: G7	01 cái/ hộp	Cái	10
18	CTM18	Khung giá đỡ đường mật loại I	Stent Nitinol. - Có 3 loại: không phủ, bán phủ, phủ toàn phần. - Hệ thống stent gồm 2 thành phần: stent cấy ghép và hệ thống dẫn: - Hệ thống dẫn: + Có thể thu gọn đến 80% so với khi bung để tái định vị khi đặt. - Stent: - Thiết kế bên dây platinum để chống xẹp và tăng độ ổn định, cấu trúc ô đóng. - Đường kính stent: 8mm-10mm. - Chiều dài: 40mm, 60mm, 80mm, 100mm,	1 cái/ hộp	Cái	40

II		Bóng nong				
1	CTM19	Bóng nong mạch vành áp lực thường đường kính lớn	-Bóng nong được làm bằng vật liệu Nylon hoặc polyamide. -Đường kính bóng: tối thiểu $\leq 1.25\text{mm}$, tối đa $\geq 5.0\text{mm}$ -Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 10\text{ mm}$, tối đa $\geq 40\text{mm}$ -Áp lực định danh $\geq 6\text{ atm}$, áp suất vỡ định mức $\geq 14\text{ atm}$ -Chiều dài catheter $\geq 143\text{cm}$ -Đường kính đầu tip $\leq 0.016''$ -Đường kính qua tổn thương $\leq 0.028''$ -Đạt tiêu chuẩn chất lượng CE, xuất xứ G7	01 cái/ hộp	Cái	100
2	CTM20	Bóng nong mạch vành áp lực cao các cỡ	-Bóng nong được làm bằng vật liệu Nylon hoặc polyamide -Đường kính bóng: tối thiểu $\leq 2.0\text{mm}$, tối đa $\geq 5.0\text{mm}$ -Chiều dài bóng: tối thiểu $\leq 8\text{ mm}$, tối đa $\geq 30\text{mm}$ -Áp lực định danh $\geq 12\text{ atm}$, áp lực vỡ bóng $\geq 20\text{ atm}$ -Chiều dài catheter $\geq 142\text{cm}$ -Đường kính đầu tip $\leq 0.016''$ -Đường kính qua tổn thương $\leq 0.029''$ -Đạt tiêu chuẩn chất lượng CE -Xuất xứ G7	01 cái/ hộp	Cái	50
3	CTM21	Bóng nong động mạch vành áp lực thường	-Bóng bán đàn hồi áp lực thường, Áp suất NP 6 bar. Áp suất RBP 16 bar -Chất liệu bóng Semi-compliant Polyamide, 3 nếp gấp -Tương thích với guiding catheter 5F -Xâm nhập tổn thương $0.016''(0.40\text{mm})$ -Đầu gần thân 1.9F(0.64mm), đầu xa thân 2.7F (0.90mm) -Catheter dài 154cm. Phủ lớp ái nước. Đầu tip thuôn, dài 3mm -Đường kính bóng 1.5, 2.0, 2.5, 3.0, 3.5, 4.0mm Dài 10,15, 20, 30mm -Tiêu chuẩn: CE -Xuất xứ: Châu Âu	Cái	Cái	100

4	CTM22	Bóng nong động mạch vành áp lực cao	- Bóng áp lực cao, Áp suất NP 12 bar. Áp suất RBP 19-21 bar - Chất liệu bóng Non-compliant Polyamide, 3 nếp gấp - Tương thích với guiding catheter 5F - Xâm nhập tổn thương 0.016"(0.40mm) - Đầu gần thân 1.9F(0.64mm), đầu xa thân 2.7F (0.90mm) - Catheter dài 154cm. Phù lợp ái nước. Đầu tip nhọn, dài 3.5mm - Đường kính bóng 2.0, 2.5, 2.75, 3.0, 3.25, 3.5, 4.0, 4.5mm. Dài 5, 10, 15, 20mm - Tiêu chuẩn: CE - Xuất xứ: Châu Âu	Cái	Cái	50
5	CTM23	Bóng nong mạch vành chịu áp lực cao loại II	- Bóng nong động mạch vành loại áp lực cao, chất liệu bóng Polyamide hoặc tương đương - Áp lực thường $\leq 12\text{atm}$, áp lực vỡ bóng $\geq 20\text{atm}$ - Độ dài vai bóng $\leq 3\text{ mm}$ - Đường kính bóng: từ $\leq 2.0\text{mm}$ đến $\geq 5.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng: từ $\leq 6\text{mm}$ đến $\geq 30\text{mm}$ - Độ dài trục $\geq 145\text{ cm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE - Xuất xứ: G7	01 cái/ hộp	Cái	50
6	CTM24	Bóng nong mạch vành chịu áp lực cao loại III	- Bóng nong động mạch vành áp lực cao - Chất liệu bóng: Polyamide hoặc tương đương - Khẩu kính đầu vào : $\leq 0.015"$ - Áp lực định danh: $\geq 10\text{atm}$ - Áp lực nổ tối đa: $\geq 20\text{atm}$ - Kích thước: Đường kính: $\geq 2.0\text{mm}$ đến $\geq 4.5\text{mm}$, có tối đa 5 nếp gấp - Chiều dài từ $\geq 12\text{mm}$ đến $\geq 27\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA (510K) và CE - Xuất xứ: Châu Mỹ	01 cái/ hộp	Cái	50
7	CTM25	Bóng nong mạch vành vai bóng ngắn	- Bóng nong mạch vành áp lực cao tương thích ống thông $\leq 4\text{F}$ - Đường kính đầu tip bóng $> 0.018\text{ inch}$ - Chiều dài ống thông khả dụng $\geq 145\text{cm}$ - Chiều dài vai bóng $\leq 1.5\text{mm}$, thân bóng phù ái nước - Áp lực nổ định mức từ 20atm - 22atm tùy đường kính khác nhau - Tiêu chuẩn: PMDA hoặc FDA - Xuất xứ: G7	01 cái/ hộp	Cái	50

8	CTM26	Bóng nong mạch vành đầu tịt nhỏ	-Bóng nong động mạch vành áp lực thường : - Chất liệu bên ngoài trực ống thông đầu xa: Nylon 12 - Bóng có ≥ 3 lớp. - Vai bóng 30 độ một bên - Tip mềm 0.017" - Tương thích với guide : ≤ 0.014" - Chiều dài hệ thống ≤ 135cm - Bóng có đường kính: ≤ 1.50 đến ≥ 4.0mm - Chiều dài của bóng: ≤ 10 đến ≥ 40mm - Áp lực định danh: ≤ 6atm - Áp lực vỡ bóng ≥ 14atm - Crossing profile ≤ 1mm - Điểm đánh dấu bóng: Pt/Ir, Au - Tiêu chuẩn CE - Xuất xứ: Châu Âu	01 cái/ hộp	Cái	100
9	CTM27	Bóng nong mạch vành bán đàn hồi chịu được áp lực cao	Cấu tạo: + Chất liệu bóng: Polyamide + Khẩu kính qua tổn thương: ≤ 0.017inch + Có 2 loại đầu tịt chiều dài: ≤ 4mm + Có ≥ 16 điểm nổi trên 4 dây của thân bóng + Áp lực tối đa: ≥ 21 atm Kích thước: + Đường kính bóng: từ 2.5mm đến 4.0mm. Có ít nhất 04 kích cỡ khác nhau + Chiều dài bóng: từ 8mm đến ≥ 16mm + Chiều dài hệ thống: ≤ 138 cm Tiêu chuẩn: CE hoặc FDA Xuất xứ: Châu Âu	01 cái/ hộp	Cái	50

10	CTM28	Bóng nong mạch vành áp lực cao	- chất liệu: Polyamid - Độ dài catheter 143cm, đường kính ngoài trục đo tại gần 2.1F, đoạn xa 2.45/2.6F - Đường kính đầu tip 0.016 inch - Đường kính bóng từ 1.5 -> 5.0 mm, độ dài bóng 8,10,12,15, 20mm - Áp lực thường 12Atm, áp lực vỡ bóng 23Atm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CFS Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	01 cái/ hộp	Cái	100
11	CTM29	Bóng nong động mạch vành áp lực cao dùng cho mạch đường kính lớn	Bóng nong động mạch vành áp lực cao, phù ái nước, chất liệu bóng Pebax (đường kính 1.5-5.0mm), Grilamid (đường kính 5.5-6.0mm) - Chất liệu marker: Flexible Tungsten/Pebax - Áp lực định danh 12atm; 14 atm - Áp lực vỡ bóng 18atm - Đường kính bóng tối thiểu 1.5mm, tối đa 6.0mm - Chiều dài bóng tối thiểu 6mm, tối đa 25mm - Đường kính đầu tip tối đa 0.020 inch - Chiều dài catheter 1450mm - Có chứng nhận ISO và FDA - Xuất xứ: Châu Mỹ	01 cái/ hộp	Cái	50
12	CTM30	Bóng nong động mạch vành áp lực thông thường	Bóng nong mạch vành áp lực thường chất liệu Pebax, phù ái nước - Áp suất định danh: 8 atm; Áp suất vỡ bóng: 14 atm - Chiều dài catheter 1450mm - Đường kính bóng tối thiểu 1.5mm, tối đa 5.0mm - Chiều dài bóng tối thiểu 6mm, tối đa 30mm - Có chứng nhận FDA và CE - Xuất xứ: Châu Mỹ	01 cái/ hộp	Cái	50

13	CTM31	Bóng nong động mạch vành loại áp lực thường loại II	- Bóng nong động mạch vành loại áp lực thường chất liệu Ultra-slim/ Polyamide, phủ lớp ái nước - Khẩu kính đầu vào $\leq 0.016''$ - Áp lực thường $\geq 6atm$ - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 1.5mm$, tối đa $\geq 4.0mm$, có tối đa đến 5 nếp gấp - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 12mm$, tối đa $\geq 30mm$ - Có chứng nhận FDA (510K) và CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật Xuất xứ: Châu Mỹ	01 cái/ hộp	Cái	50
14	CTM32	Bóng nong mạch vành áp lực thường kích thước nhỏ	- Bóng nong động mạch vành loại áp lực thường, chất liệu Polyamide hoặc tương đương, phủ lớp ái nước - Khẩu kính đầu vào $\leq 0.016''$ - Áp lực thường $\leq 8atm$ - Áp lực tối đa $\geq 14atm$ - Đường kính: từ $\leq 1.5mm$ đến $\geq 4.0mm$ - Chiều dài bóng từ $\leq 12mm$ đến $\geq 20mm$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE Xuất xứ: G7	01 cái/ hộp	Cái	200
15	CTM33	Bóng nong mạch vành loại phủ thuốc	- Bóng nong động mạch vành phủ thuốc - Phủ thuốc Paclitaxel, hàm lượng thuốc $\leq 2.2 \mu g/mm^2$ - Đường kính bóng: từ $\leq 1.5mm$ đến $\geq 4.0mm$ - Chiều dài bóng: từ $\leq 15mm$ đến $\geq 40mm$ - Có chứng nhận ISO hoặc CE, CFS Xuất xứ: Các nước G7 hoặc Châu Âu	01 cái/ hộp	Cái	30

16	CTM34	Bóng nong động mạch vành áp lực cao loại phủ thuốc Paclitaxel	Bóng nong động mạch vành phủ thuốc paclitaxel. Áp suất NP 12 bar. Áp suất RBP 18-22bar - Chất liệu bóng Semi-compliant Polyamide, gấp dạng cánh 3 nếp gấp - Có thể nong bóng lên tới 3 lần - Tương thích với guiding catheter 5F. Xâm nhập tổn thương 0.016"(0.40mm) - Đầu gần thân 1.9F, đầu xa thân 2.7F - Catheter dài 154cm. Phủ lớp ái nước. Đầu tip thuận - Tối thiểu 5 kích thước đường kính bóng từ 2.0 đến 4.0mm; Tối thiểu 4 kích thước chiều dài từ 10 đến 30mm - Tiêu chuẩn: CE - Xuất xứ: Châu Âu	cái	cái	30
17	CTM35	Bóng nong mạch vành áp lực thường với lớp phủ đan xen kỵ nước hoặc ái nước (tùy kích cỡ)	- Có áp lực bình $\geq 7\text{atm}$, áp lực vỡ bóng $\geq 14\text{atm}$ - Vật liệu bóng làm bằng Semi Crystalline Co-Polymer hoặc tương đương - Chiều dài catheter $\leq 140\text{cm}$ - Thân bóng với đường kính 1.25- 2.0 mm có lớp phủ ái nước xen kẽ. Thân bóng với đường kính 2.5 - 4.0 mm có lớp phủ kỵ nước xen kẽ - Đường kính: tối thiểu ≤ 1.25 và tối đa $\geq 4.0\text{mm}$; chiều dài: tối thiểu ≤ 6 và tối đa $\geq 30\text{mm}$ - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO, FDA và CE - Xuất xứ: Đông Nam Á	01 cái/ hộp	Cái	50
18	CTM36	Bóng nong mạch vành có khóa kim loại	Bóng nong mạch vành có khóa kim loại vừa cắt được chỉ định trong các trường hợp hẹp huyết động đáng kể, bao gồm cả hẹp trong stent và các trường hợp tổn thương phức tạp như vôi hóa nặng, góc xoắn lớn hơn 90 độ. 2 marker cản quang chất liệu Pt/Ir. Tip Profile 0,016". Lớp ái nước phủ trên bề mặt bóng và phần cắt kim loại. Áp lực định danh: 8atm, áp lực vỡ bóng (RBP) 20 atm. Cạnh khóa kim loại chất liệu nitinol. Đường kính bóng 1.5, 2.0, 2.5, 3.0, 3.5, chiều dài bóng từ 6-30mm Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	01 cái/ hộp	cái	50

19	CTM37	Bóng nong mạch vành áp lực cao, đường kính lớn đạt tiêu chuẩn FDA	-Đầu tip đường kính ≥ 0.017 inch -Áp lực trung bình ≥ 12 atm, áp lực vỡ bóng ≥ 18 atm -Đường kính: tối thiểu ≤ 2.0 mm, tối đa ≥ 6.0 mm -Chiều dài: tối thiểu ≤ 6 mm, tối đa ≥ 30 mm -Chiều dài catheter ≥ 142 mm -Tiêu chuẩn chất lượng FDA (510K) -xuất xứ: Đông nam Á	1 cái/ hộp	cái	50
20	CTM38	Bóng nong mạch vành áp lực thường đầu tip đường kính $\geq 0,017$ inch, đạt tiêu chuẩn FDA	-Áp lực trung bình ≤ 6 atm, áp lực vỡ bóng ≥ 12 atm -Đường kính đầu tip ≤ 0.017 inch -Chất liệu bóng: phủ ZGlide Hydrophilic -Đường kính bóng tối thiểu: ≤ 1.2 mm, tối đa ≥ 4.0 mm -Chiều dài bóng tối thiểu : ≤ 8 mm, tối đa: ≥ 30 mm -Chiều dài catheter: ≥ 142 cm -Tiêu chuẩn chất lượng FDA (510K) -xuất xứ: Đông nam Á	1 cái/hộp	cái	50
21	CTM39	Bóng nong động mạch vành phá vỡ bằng sóng xung kích, tần số xung tối đa ≥ 120	- Bóng nong phá mảng với hóa nội mạch vành -Thiết kế điện cực song song -Hệ thống bóng là rapid - exchange -Đường kính bóng: tối thiểu ≤ 2.0 mm, tối đa ≥ 4.0 mm -Chiều dài bóng: ≥ 12 mm -Áp lực vỡ bóng ≥ 12 atm -Tương thích dây dẫn $0.014''$ và ống thông $\leq 6F$ -Đầu tip thuôn mềm ôm sát dây dẫn ngăn ngừa hiệu ứng "fish mouth" -Tần số phát xung tối đa: 120 pulse -Đạt tiêu chuẩn chất lượng CE	1 cái	cái	40

22	CTM40	Bóng phá màng với hóa nội mạch ngoại biên bằng sóng xung kích	Ống thông bóng nong phá màng với hóa nội mạch ngoại vi bằng sóng xung kích - Thiết kế điện cực song song - Hệ thống bóng là over the wire - Đầu tip thuôn mềm ôm sát dây dẫn ngăn ngừa hiệu ứng "fish mouth" - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 3.0\text{mm}$, tối đa $\geq 7.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 40\text{mm}$, tối đa $\geq 60\text{mm}$ - Tương thích ống thông dẫn đường $\geq 6\text{Fr}$ - Đường kính băng qua tổn thương tối thiểu $\leq 0.053\text{inch}$, tối đa $\geq 0.067\text{inch}$ - Tần số xung tối đa ≥ 300 xung - Đạt tiêu chuẩn chất lượng CE	1 cái	Cái	20
23	CTM41	Bóng nong động mạch ngoại vi áp lực cao	- Bóng nong mạch ngoại vi/ cầu nối chất liệu sợi composite - Tương thích với dây dẫn 0.035" - Áp lực vỡ bóng: $\geq 30\text{atm}$ - Đường kính bóng tối thiểu 5.0mm, tối đa 12.0mm - Chiều dài bóng tối thiểu 20mm, tối đa 100mm - Chiều dài Catheter: 75 cm - Biến đổi đường kính bóng (compliance) từ áp suất thường đến áp suất vỡ bóng $< 2,5\%$ - Có chứng nhận FDA - Xuất xứ: Châu Mỹ	Hộp 1 cái	cái	10
24	CTM42	Bóng nong mạch máu ngoại vi có phủ thuốc, tương thích dây dẫn 0.014", 0.018", 0.035"	- Bóng nong động mạch ngoại biên chất liệu Nylon và Polyether Block Amide, phủ thuốc Paclitaxel, nồng độ $2\text{ }\mu\text{g}/\text{mm}^2$ với chất mang thuốc polysorbate, sorbitol - Tương thích dây dẫn 0.014", 0.018", 0.035" - Đường kính bóng (mm) gồm các cỡ: 2; 2,5; 3; 3,5; 4; 5; 6; 7; 8; 9; 10; 12. - Chiều dài bóng tối thiểu 40mm, tối đa 220mm - Chiều dài catheter (cm) gồm các cỡ: 75; 100; 130; 150. - Có chứng nhận ISO và CE - Xuất xứ: Châu Mỹ	hộp 1 cái	cái	10

25	CTM43	Bóng đo đường kính lỗ thông liên nhĩ loại Occlutech có 3 marker cách nhau 5mm - (các kích cỡ)	- Kích thước thay đổi được - Được thiết kế để luồn vào tĩnh mạch. Được sử dụng không cần ống dẫn và được dẫn đường trực tiếp thông qua dây dẫn - Thiết kế bao gồm: Chiều dài khả dụng, nốt cản X quang, đầu mềm, ngổ vào bơm bóng - Đường kính bóng: 25-35 mm - Thể tích tiêu chuẩn: 25-60 ml - Thể tích tối đa: 35-90 ml - Chiều dài bóng: 45-50 mm - Chiều dài khả dụng: 700 mm - Tương thích dây dẫn: 0.035 inch - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO, chứng nhận EU và CFS	1 cái/ Hộp	cái	9
26	CTM44	Bóng ngưng động mạch ngoại biên, catheter phủ lớp ại nước bền vững	- Bóng ngưng động mạch ngoại biên loại di trên dây dẫn (OTW). Chất liệu Nylon-pebax hoặc polyamide hoặc Semi Crystalline Polymer - Bóng dùng dây dẫn 0.014": Đường kính từ: 1.5 đến 4.0 mm, Độ dài từ: ≤ 40 đến ≥ 200 mm - Bóng dùng dây dẫn 0.018": Đường kính 2.0 đến 8.0mm, độ dài ≤ 20 đến ≥ 200mm - Bóng dùng dây dẫn 0.035" : Đường kính từ: 3.0 đến 12.0 mm, độ dài từ: ≤ 20 đến ≥ 200 mm - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương; chứng nhận bởi FDA hoặc CE - Xuất xứ G7/EU	hộp/ 1cái	cái	30

27	CTM45	Bóng nong động mạch ngoại biên phủ thuốc paclitaxel. Nồng độ Paclitaxel là 3µg/mm ²	Bóng nong động mạch ngoại biên phủ thuốc Paclitaxel. Phủ nhiều lớp. Loại bóng đi trên dây dẫn (OTW). Chất liệu nylon-pebax hoặc polyamide - Nồng độ Paclitaxel là $\leq 3\mu\text{g}/\text{mm}^2$ - Bóng dùng dây dẫn 0.014": đường kính từ: ≤ 2.0 đến $\geq 4.0\text{mm}$, độ dài từ: ≤ 40 đến $\geq 150\text{mm}$ - Bóng dùng dây dẫn 0.018": đường kính từ: ≤ 4.0 đến $\geq 8.0\text{mm}$, độ dài từ: ≤ 40 đến $\geq 200\text{mm}$ - Bóng dùng dây dẫn 0.035": đường kính từ ≤ 5.0 đến $\geq 7.0\text{mm}$, độ dài từ: ≤ 40 đến $\geq 150\text{mm}$ - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương; chứng nhận bởi FDA hoặc CE. - Xuất xứ: G7/EU	hộp/ 1 cái	cái	30
28	CTM46	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên	Bóng được làm từ chất liệu Pebax phủ lớp ái nước Hydrophilic công nghệ Bioslide Tiết diện đầu vào vị trí tổn thương (tip entry profile) khoảng 0.020" Có 02 dạng: Monorail và Over-The-Wire Bóng có 02 điểm dấu cân quang bằng vàng (một ở đầu xa và một ở đầu gần) - Thời gian xẹp (xả) bóng 10 giây - Chiều dài Ống thông (Catheter): 40cm, 80cm, 90cm, 135cm, 150cm - Đường kính bóng: 2-10mm - Chiều dài bóng: 10-220mm - Tương thích dây dẫn: 0.014"/0.018" - Áp lực vỡ bóng tối đa $\leq 14\text{ atm}$ - Tiêu chuẩn chất lượng: CE, FDA - Xuất xứ: G7	01 cái/ hộp	Cái	30

29	CTM47	Bóng nong mạch máu ngoại biên áp lực cao	Chất liệu Nybax, phủ Mediglide trên bề mặt bóng - Thiết kế với một đầu được nối với ống nối hình chữ Y có khóa luer - Thiết kế đầu nhọn và tiết diện đầu vào vị trí tổn thương (tip entry profile) khoảng 0.040" - Đường kính từ: 3mm - 12mm - Chiều dài từ: 20mm - 200mm - Tương thích dây dẫn: 0.035" - Chiều dài ống thông (Catheter): 40cm, 75cm, 135cm. - Áp suất vỡ bóng tối đa ≤ 24 atm - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA, CE - Xuất xứ: Đông Nam Á	01 cái/ hộp	Cái	30
30	CTM48	Bóng nong động mạch ngoại vi phủ thuốc Paclitaxel	Chất liệu Pebax - Lớp phủ thuốc công nghệ Transpax giúp giải phóng thuốc hiệu quả vào vào mô, mật độ phủ thuốc 2µg/mm². - Đường kính: 2-8mm - Chiều dài: 30 - 200mm - Tương thích dây dẫn: 0.014"/0.018" - Có hai dải đánh dấu cản quang (một đầu ở gần, một đầu ở xa) - Chiều dài hệ thống: 80cm, 90cm, 135cm và 150cm. - Áp suất tối đa ≤ 14 atm. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA, CE - Xuất xứ: G7	01 cái/ hộp	Cái	30
31	CTM49	Bóng nong mạch ngoại vi có gắn lưới dao nhỏ	Chất liệu bóng polyethylene terephthalate (PET). Thiết kế lưới dao hình chữ T. Chất liệu thép (Aermet) - Có 04 lưới dao (dao vi phẫu) gắn trên thân bóng - Có 02 điểm đánh dấu cản quang bằng Platinum/Iridium - Bóng OTW tương thích dây dẫn 0.018". Lưới dao dài 2cm + Đường kính: 5,6,7,8 mm + Chiều dài bóng: 20mm + Chiều dài ống thông: 50, 90, 135cm + Áp suất vỡ: ≤ 10 atm - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA, CE - Xuất xứ: Châu Âu	01 cái/ hộp	Cái	10

32	CTM50	Bóng nong động mạch ngoại vi 0.018"	- Bóng nong động mạch ngoại vi 0.018" - Chiều dài bóng tối thiểu ≤ 10 mm, tối đa ≥ 250 mm - Chiều dài hệ thống ≤ 135cm - Đường kính bóng tối thiểu ≤ 2.0 mm, tối đa ≥ 6.0 mm - Tương thích sheath 4F - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE - Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	01 cái/ hộp	Cái	50
33	CTM51	Bóng nong mạch ngoại vi phủ thuốc Paclitaxel	- Bóng nong mạch ngoại vi loại phủ thuốc chất liệu Nylon hoặc tương đương + Phủ thuốc Paclitaxel + Dextran hoặc tương đương + Tương thích sheath 4F, 6F + Áp lực định mức: ≤ 6atm Kích thước: + Chiều dài từ 10mm đến 250 mm, tối thiểu gồm 13 kích thước + Đường kính bóng: đường kính tối thiểu ≤ 1.5mm, đường kính tối đa ≥ 6.00mm + Chiều dài hệ thống: Tối thiểu gồm các cỡ 90cm, 135cm, 170cm - Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	01 cái/ hộp	Cái	20
34	CTM52	Bóng nong động mạch ngoại biên tăng đui, có phủ thuốc Paclitaxel	- Bóng nong động mạch ngoại biên tăng đui có phủ thuốc Paclitaxel hàm lượng $\geq 3.0\mu\text{g}/\text{mm}^2$ và chất mang thuốc Shellac hoặc tương đương. - Đường kính bóng các cỡ từ ≤ 4.0mm đến ≥ 8.0mm - Chiều dài bóng các cỡ từ ≤ 40mm đến ≥ 120mm - Áp lực thường: 6 atm. - Áp lực vỡ bóng 10 atm - 16 atm - Có chứng nhận FDA hoặc CE - Xuất xứ: Các nước G7	01 cái/ hộp	Cái	20

35	CTM53	Bóng nong động mạch ngoại biên tàng dưới gối, có phủ thuốc Paclitaxel	- Bóng nong động mạch ngoại biên tàng dưới gối có phủ thuốc Paclitaxel hàm lượng $\geq 3.0\mu\text{g}/\text{mm}^2$ và chất mang thuốc Shellac hoặc tương đương - Đường kính bóng các cỡ từ $\leq 2.0\text{mm}$ đến $\geq 4.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng các cỡ từ $\leq 40\text{mm}$ đến $\geq 120\text{mm}$ - Áp lực thường: 6 atm. - Áp lực vỡ bóng: 14 atm - 16 atm - Có chứng nhận FDA hoặc CE - Xuất xứ: Các nước G7	01 cái/ hộp	Cái	20
III						
Ông thông & Dây dẫn						
1	CTM54	Dây dẫn đường cho bóng và stent loại ái nước đầu linh hoạt, dễ lái	- Dây dẫn trong can thiệp động mạch vành - Vật liệu Lõi: Nickel - Titanium - Có lớp phủ khác nhau từng đoạn: hydrophilic, PTFE và silicone - Đường kính 0.014", dài $\leq 200\text{cm}$ - Xuất xứ: các nước G7 - Có chứng nhận FDA hoặc CE	5 cái/ hộp	Cái	300
2	CTM55	Dây dẫn đường catheter dài 150cm	- Chất liệu Nitinol hoặc tương đương - Đường kính $\geq 0.032"$ - Chiều dài $\geq 150\text{cm}$ - Độ cứng của thân dây dẫn: có tối thiểu 2 loại - Có chứng nhận FDA hoặc CE - Xuất xứ: các nước G7	5 cái/ hộp	Cái	400
3	CTM56	Dây dẫn đường catheter dài 260cm	- Chất liệu Nitinol hoặc tương đương, phủ lớp ái nước - Đường kính $\geq 0.032"$ - Chiều dài dây dẫn $\geq 250\text{cm}$. - Có 2 loại đầu tip: thẳng và gấp góc - Độ cứng của thân dây dẫn: có tối thiểu 2 loại - Có chứng nhận FDA hoặc CE - Xuất xứ: các nước G7	5 cái/ hộp	Cái	500
4	CTM57	Dây dẫn đường cho bóng và stent	- Khả năng tải đầu dây dẫn $\leq 0.5\text{gf}$ - Chiều dài $\leq 180\text{cm}$ - Lõi thép không gỉ dẫn xuyên suốt từ đầu gần đến đầu xa - Lớp phủ silicone đầu xa và ái nước - Xuất xứ: G7 - Đạt tiêu chuẩn FDA và CE	1 cái/ gói	Cái	300

5	CTM58	Dây dẫn đường cho bóng và stent trong can thiệp tổn thương tắc mãn tính động mạch vành (CTO)	- Đầu xa có bên xoắn bằng kim loại, thuận nhọn, đoạn cán quang $\geq 15\text{cm}$, chịu lực $\geq 1.5\text{ gf}$, có phủ lớp ái nước hoặc bọc bằng polymer. Lõi bằng thép không gỉ - Đường kính $\leq 0.014"$ - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA hoặc CE	1 cái/ gói	Cái	50
6	CTM59	Dây dẫn đường cho bóng và stent trong can thiệp tổn thương tắc mãn tính động mạch vành (CTO) bọc toàn bộ bằng polymer	- Dây dẫn can thiệp động mạch vành (guide wire), loại dùng cho tổn thương tắc mãn tính (CTO), đầu xa có bên xoắn bằng kim loại, thuận nhọn, bọc toàn bộ bằng polymer, chịu lực thấp $\leq 1.0\text{ gf}$. Lõi bằng thép không gỉ - Đường kính $< 0.014"$ - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA, CE - Xuất xứ: G7	1 cái/ gói	Cái	30
7	CTM60	Catheter trợ giúp can thiệp động mạch vành/thận	- Catheter trợ giúp can thiệp động mạch vành/thận, thiết kế bằng kỹ thuật đan lưới lòng ống (Full wall) - Có tối thiểu các loại đầu con: * EBU, JL, JR, AL, SAL, MB dài $\leq 100\text{cm}$ * IMA dài tối thiểu $\leq 55\text{cm}$ - Đường kính $\leq 8\text{F}$ - Có chứng nhận FDA (510K) và CE - Xuất xứ: Châu Mỹ	1 cái/ Hộp	cái	200
8	CTM61	Ống thông trợ giúp can thiệp đầu mềm có cán quang	- Cấu tạo lớp trong bằng PTFE, ở giữa là lớp lưới thép không gỉ phẳng được bên cường độ cao, lớp vỏ ngoài mềm mại và có tính cản quang cao ở đoạn xa - Kết cấu vật liệu nổi bật bao gồm 5 đến 6 vùng, mỗi vùng được làm từ các vật liệu có độ cứng khác nhau (Công nghệ ZONE) - Hình dạng kiểu BL, JR, JL, MP, AL, IMA, TR, Straight, Ikari - Kích thước: cỡ 5F có đường kính trong $\geq 0.059"$, cỡ 6F có đường kính trong $\geq 0.071"$, cỡ 7F có đường kính trong $\geq 0.081"$. Chiều dài 100cm và 120cm - Tiêu chuẩn: ISO, CE, MHLW - Xuất xứ: G7	1 cái/ Hộp	cái	200

9	CTM62	Ống thông can thiệp mạch vành	Ống thông can thiệp mạch vành đầu tip can quang mềm không chấn thương. Cấu tạo 3 lớp: lớp trong cùng là PTFE, lớp giữa là lớp lưới bên thép không gỉ, lớp ngoài cùng là lớp polymer. Các loại cỡ: 5F, 6F, 6.5F, 7F. Các loại đầu con: ABU, XB, XBRCA, JL, JR, AL, AR, MPA. Có lựa chọn lỗ bên hoặc không - Đạt tiêu chuẩn chất lượng CE, hoặc G7	1 cái/ Hộp	cái	200
10	CTM63	Ống thông chặn đoán đường quay	- Dùng để chụp chặn đoán mạch vành trái và phải qua đường quay - Nguyên liệu bằng nylon, trục linh hoạt thiết kế 3 lớp, lớp trong và ngoài nylon, lớp giữa sợi bên (Braid wire), đầu tip 2 lớp mềm có can quang - Chịu được áp lực cao 1050 psi, dạng Radial 3.5 và 4.0, hai số 4.2F, 5Fr, 1 lỗ bên, dài 100cm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CFS	1 cái/ Hộp	cái	400
11	CTM64	Ống thông chụp mạch vành ái nước	Cấu tạo 3 lớp: lớp trong cùng là nylon, lớp giữa là lớp lưới bên thép không gỉ, lớp ngoài cùng là Pebax. Đường kính 4F, 5F, 6F. Chiều dài 65, 80, 100, 110, 120, 125, 130cm Các loại đầu con phù hợp nhiều thủ thuật như: JL, JR, AL, AR, MPA, PIG, TIG, 3DRC, TRG - Đạt tiêu chuẩn chất lượng CE, hoặc G7	1 cái/ Hộp	cái	300
12	CTM65	Catheter (ống thông) chụp động mạch vành hai bên phải và trái đường động mạch quay	- Cấu tạo: thiết kế theo công nghệ sợi bên kép, đoạn đầu xa không bên, tiếp theo là đoạn được bên dày và bên thưa hơn ở đoạn gần - Vật liệu thành ống: các loại Polyamide khác nhau trong cấu trúc ống 3 lớp - Hình dạng đầu cho can thiệp qua đường quay: Brachial Type (Tiger) - Thành ống mỏng, tốc độ dòng chảy tối đa 23mL/ giây (cỡ 5Fr). Áp lực tối đa $\geq 1,200$ psi (8.247kPa) - Đường kính 5Fr (lòng rộng ≥ 1.20mm), chiều dài 80 - 120cm - Tiêu chuẩn: ISO, CE, MHLW - Xuất xứ G7 (Nhật Bản)	5 cái/ hộp	Cái	500
13	CTM66	Ống thông trợ giúp can thiệp kéo dài	Ống thông hỗ trợ đẩy sâu trong can thiệp mạch vành, có phủ lớp ái nước - Tương thích ống thông có đường kính: từ $\leq 6F$ đến $\geq 7F$ - Chiều dài: ≥ 150cm - Đạt tiêu chuẩn FDA và CE - Xuất xứ: G7	1 cái/ Hộp	Cái	50

14	CTM67	Vi ống thông nhỏ dạng đồng trục kèm dây dẫn	- Vi ống thông loại đồng trục có dây dẫn đi kèm - Vi ống thông cỡ 2.4Fr có cấu trúc đoạn xa có 3 lớp phủ PTFE và phủ lớp áo nước, cản quang. - Chiều dài $\leq 150\text{cm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE - Xuất xứ: G7	1 cái/ Hộp	Cái	30
15	CTM68	Vi ống thông (micro catheter), loại 2 đường ra	- Ống thông siêu nhỏ (vi ống thông - micro catheter) loại 2 đường ra, đường kính ngoài đầu tip $\geq 1.5\text{Fr}$ - Chiều dài sử dụng $\geq 145\text{cm}$ - Tương thích với guidewire 0.014" - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA hoặc CE	1 cái/ hộp	Cái	20
16	CTM69	Vi ống thông can thiệp chọn lọc phủ áo nước	- Vi ống thông can thiệp chọn lọc ấu tạo gồm: - Lớp bên không đối xứng cường độ cao hoặc tương đương - Lớp trong PTFE hoặc tương đương - Lớp phủ áo nước - Kích cỡ: - Chiều dài: từ $\leq 110\text{cm}$ đến $\geq 175\text{cm}$ (tối thiểu 5 cỡ chiều dài) - Đường kính ngoài từ $\leq 1.7\text{Fr}$ đến $\geq 2.8\text{Fr}$; đường kính trong từ $\leq 0.017"$ và $\geq 0.024"$ - Tiêu chuẩn: ISO, CE, MHLW - Xuất xứ: G7	1 cái/ Hộp	Cái	10
17	CTM70	Ống thông hỗ trợ can thiệp mạch ngoại biên phủ lớp áo nước	- Ống thông hỗ trợ trong can thiệp mạch máu phủ lớp áo nước, trơn mượt để đi qua tổn thương, sử dụng dây dẫn 0.014", 0.018" và 0.035". - Chiều dài catheter (cm) gồm: 65; 90; 135; 150. - Với dây dẫn cỡ 0.014": khẩu kính đầu vào là 0.017" - Với dây dẫn cỡ 0.018": khẩu kính đầu vào là 0.021" - Với dây dẫn cỡ 0.035": khẩu kính đầu vào là 0.038" - Đầu xa catheter có điểm đánh dấu cản quang, thân catheter đánh dấu đoạn đen trắng cách nhau 1 cm - Có chứng nhận FDA và CE - Xuất xứ: G7	túi 1 cái	cái	10
18	CTM71	Ống thông hỗ trợ can thiệp mạch ngoại biên	- Ống thông hỗ trợ can thiệp mạch ngoại biên - Tương thích với dây dẫn 0.035", 0.018", 0.014"- Chiều dài $\leq 150\text{cm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE - Xuất xứ: các nước G7	5 cái/hộp	Cái	70

19	CTM72	Dây dẫn đường (guide wire) can thiệp mạch ngoại biên, loại ái nước, phủ polymer	Dây dẫn đường (guide wire) can thiệp mạch ngoại biên. Lõi thép không gỉ - Đường kính 0.018", lớp phủ ái nước trên nền polymer - Đầu tip có vòng xoắn kép, chịu lực $\geq 4\text{gf}$ Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA hoặc CE	1 cái/ gói	cái	10
20	CTM73	Dây dẫn cho bóng và stent trong can thiệp tổn thương mạch ngoại biên loại CTO	- Khả năng tải đầu tip $\geq 30\text{gf}$ - Chiều dài $\geq 300\text{cm}$. - Lõi thép không gỉ dẫn xuyên suốt từ đầu gần đến đầu xa - Đường kính ít nhất có loại 0.014" hoặc 0.018" - Xuất xứ G7 - Đạt tiêu chuẩn FDA và CE	1 cái/ gói	cái	10
21	CTM74	Dây dẫn đường cho catheter phủ ngoại bàng lớp ái nước	- Chất liệu thép không gỉ Scitanium hoặc tương đương. Lớp phủ: ICE ái nước hoặc tương đương - Đường kính 0.018"; 0.014" - Chiều dài: từ $\geq 110\text{cm}$ đến $\leq 300\text{cm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	1 cái/ hộp	cái	30
22	CTM75	Dây dẫn đường can thiệp mạch ngoại vi	- Dây dẫn đường can thiệp mạch ngoại vi - Chất liệu hợp kim thép không gỉ hoặc tương đương, Phủ lớp ái nước đầu xa. - Đường kính 0.018" - Chiều dài từ $\geq 110\text{cm}$ đến $\leq 300\text{cm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	1 cái/ hộp	cái	30
23	CTM76	Dây dẫn đường cho bóng và Stent dùng cho động mạch ngoại biên	Cấu tạo dây dẫn: - Đầu tip với đoạn cong 1cm hoặc 5cm. Đầu tip có lớp cuộn vàng dài 3cm - Đoạn xa cấu trúc: Lõi nitinol hoặc tương đương, phủ ái nước - Đầu gần: lõi nitinol cứng với lớp phủ PTFE xoắn ốc Kích cỡ: - Đường kính: 0.014"; 0.018"; 0.035". Chiều dài: 180cm; 260cm; 300cm - Có chứng nhận FDA hoặc CE - Xuất xứ: G7	1 cái/ hộp	cái	60

24	CTM77	Dây dẫn đường can thiết mạch máu ngoại biên (loại siêu cứng)	Dây dẫn can thiết mạch máu ngoại biên - Chất liệu thép không gỉ, phủ lớp Polytetrafluoroethylene (PTFE) - Cấu trúc dây dẫn phẳng để tạo thành một dây dẫn có lõi bên trong lớn hơn. Độ cứng tăng thêm giúp cung cấp thêm lực để đưa vào dễ dàng hơn và tạo ổn định tốt hơn trong quá trình cài đặt và trao đổi ống thông - Thiết kế đầu tip dạng spring coil (lò xo xoắn) - Đường kính 0.035", 0.038" - Chiều dài: 75cm, 145cm, 180cm và 260 cm - Loại đầu tip: đầu thẳng, đầu chữ J - Chiều dài độ trơn đầu tip (tip taper): 1cm, 4cm, 6cm, 7cm - Tiêu chuẩn chất lượng: CFS, CFG, ISO - Xuất xứ: Châu Mỹ	Hộp/5 cái	Cái	30
25	CTM78	Ống thông chụp mạch	Cấu tạo: 3 lớp - Lớp giữa bằng thép không gỉ hoặc tương đương - Lớp trong là Nylon, lớp ngoài là Polyurethan - Đường kính từ $\leq 4Fr$ đến $\geq 5Fr$. Chiều dài: $\geq 65cm$ - Hình dạng đầu tip: Sử dụng được cho mạch tạng và mạch não - Cấu tạo: + Lõi là Nitinol + Lớp phủ ái nước Hydrophilic - đen. + Lớp ngoài có tính cân quang BaSO4. - Kích thước: + Chiều dài dây dẫn: 150cm. + Chiều dài của phần đầu linh hoạt: 3cm. + Đường kính: 0.035" - Hình dạng đầu tip: đầu thẳng và đầu cong. - Chứng nhận CE (Conformite Europeenne) - và CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu	05 Cái/ Hộp	Cái	250
26	CTM79	Poseidon Hydrophilic Nitinol Guide Wire Dây dẫn đường có đường kính 0.035", chiều dài 150 cm	+ Chiều dài dây dẫn: 150cm. + Chiều dài của phần đầu linh hoạt: 3cm. + Đường kính: 0.035" - Hình dạng đầu tip: đầu thẳng và đầu cong. - Chứng nhận CE (Conformite Europeenne) - và CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu	01 Cái/túi	Cái	300

27	CTM80	Poseidon Hydrophilic Nitinol Guide Wire Dây dẫn đường có đường kính 0.035", 260cm	- Cấu tạo: + Lõi là Nitinol + Lớp phủ ái nước Hydrophilic - đen. + Lớp ngoài có tính cản quang BaSO₄. - Kích thước: + Chiều dài dây dẫn: 260cm. + Chiều dài của phần đầu linh hoạt: 3cm. + Đường kính: 0.035" - Hình dạng đầu tip: đầu thẳng và đầu cong. - Chứng nhận CE (Conformite Europeenne) - và CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu	01 Cái/túi	Cái	20
28	CTM81	Vi ống thông	- Vi ống thông can thiệp mạch tạng/ ngoài biên, lõi bên Tungsten, phủ lớp ái nước. - Đường kính ngoài đầu xa: 1.7F; 1.8F; 1.9F; 2.0F; 2.2F; 2.4F. - Chiều dài sử dụng: từ 130cm đến 150cm - Tương thích với vi dây dẫn 0.016" - Đầu xa có điểm đánh dấu cản quang. - Thiết kế loại đầu thẳng hoặc đầu cong - Xuất xứ: Nhật Bản	01 cái/ hộp	Cái	150
29	CTM82	Vi ống thông đồng trục gồm cả vi dây dẫn mạch gan/ ngoài biên	- Vi ống thông can thiệp mạch tạng/ ngoài biên, lõi bên Tungsten, phủ lớp ái nước. - Đường kính ngoài đầu xa: 2.7F. - Chiều dài sử dụng: từ 130cm đến 150cm - Tương thích với vi dây dẫn 0.016" - Đầu xa có điểm đánh dấu cản quang. - Thiết kế loại đầu thẳng hoặc đầu cong	01 cái/ hộp	Cái	20
30	CTM83	Vi dây dẫn ngoài biên loại II	- Vi dây dẫn ngoài biên có đường kính 0.016" - Chiều dài vi dây dẫn 135cm, 165cm, 180cm - Đầu xa thẳng, cong uốn sẵn	01 cái/ hộp	Cái	20

31	CTM84	Vì dây dẫn đường can thiệp Transend	"Dây dẫn hướng trong can thiệp mạch máu với thiết kế đầu xa 38 cm của dây dẫn có dây lõi được bọc lớp polymer cân quang và được phủ lớp hydrophilic ICE. Đầu xa 2 cm của dây dẫn có thể tạo hình được. Phần gần đầu của dây dẫn được phủ Polytetrafluoroethylene (PTFE). - Đường kính: 0.014" và 0.018". - Độ dài: 135, 165, 190cm Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA. Xuất xứ châu Âu.	01 cái/ hộp	Cái	150
32	CTM85	Dây dẫn loại III	* Dây dẫn dùng can thiệp mạch máu ngoại biên đường kính 0.035", 0.038" * Chất liệu trục thép không gỉ, lớp phủ PTFE * Đầu xa có thể tạo hình 3cm * Đầu tip với cuộn dây dẹt (a flat-wire coil) * Chiều dài dây dẫn 75, 145, 180, 260 cm. * Loại đầu tip: J-tip (3 mm) hoặc thẳng	05 cái/ hộp	Cái	30
33	CTM86	Dây dẫn can thiệp mạch não	- Đường kính: $\geq 0.014"$ - Chiều dài: ≥ 205cm - Lớp phủ ái nước: ≤ 36cm, chiều dài cân quang: 5cm - Hình dạng đầu tip: thẳng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE	1 cái/ hộp	Cái	10
34	CTM87	Ống thông hút huyết khối mạch não	- Cấu trúc gồm 2 lớp bằng Nitinol, bên bởi 16 sợi phẳng - Lớp phủ Hydrophilic: ≥ 60cm - Kích cỡ: bao gồm các cỡ 5F và 6F - Đường kính trong tối thiểu có loại 0.055" và 0.071" - Chiều dài hoạt động từ ≤ 115cm đến ≥ 130cm - Tiêu chuẩn: FDA, ISO	1 cái/ hộp	Cái	10
35	CTM88	Ống thông can thiệp mạch máu thân kinh và ngoại vi	Ống thông can thiệp mạch máu thân kinh và ngoại vi - Kích thước 6F đường kính trong $\geq 0.088"$ - Đường kính ngoài: $\geq 0.105"$ - Chiều dài có các cỡ: 80cm; 90cm; 100cm - Hình dạng đầu Tip: Thẳng hoặc cong dạng MP - Có lớp phủ ái nước ≥ 14cm Đạt tiêu chuẩn: ISO, FDA	1 Hộp/1 Bộ	Cái	10

36	CTM89	Ví ống thông (Micro-catheter) các loại, các cỡ	Ví ống thông can thiệp mạch thần kinh. Có thiết kế 2 lớp bằng Nitinol và thép không gỉ. - Đường kính trong: 0.021" - Đường kính ngoài đầu gần: $\geq 2.7F$ - Đường kính ngoài đầu xa: $\geq 2.5F$ - Chiều dài 150cm, 160cm - Có lớp phủ Hydrophilic dài $\geq 100cm$ Tiêu chuẩn: ISO, FDA	1 Hộp/1 Bộ	Cái	10
37	CTM90	Ổng thông dẫn lưu đa mục đích có khóa	- Ổng thông dẫn lưu đa mục đích qua da. Dùng dẫn lưu: áp xe trong cơ, gan, thận, dịch màng phổi, dịch ổ bụng, đường mật trong và ngoài gan, dẫn lưu túi mật và các ổ dịch khác... - Ổng dẫn lưu làm từ chất liệu polyurethane, có các lỗ cắt vật thoát dịch lớn; được phủ lớp ái nước slip-coat và có các điểm đánh dấu vị trí trên thân ống dẫn lưu - Thiết kế đầu ống dẫn lưu khóa đầu vai giúp chèn dễ dàng - Có hệ thống khóa cố định dưới lớn cấu hình thấp với chốt khóa cố định snap-off - Kích cỡ: 6F, 7F, 8F, 10F, 12F, 14F - Chiều dài: ≤ 15 , ≥ 25 cm - Đạt tiêu chuẩn FDA và CE - Xuất xứ: Mỹ, thuộc các nước G7	1 hộp/ 5 cái	Cái	400
IV		Dụng cụ				
1	CTM91	Dù đóng lỗ Thông liên Nhĩ phủ titanium loại Figulla Flex, 1 núm, kèm cáp thả dù tạo góc nghiêng 50 độ.	- Công nghệ đan bên tối ưu hóa và giảm thiểu vật liệu phần đĩa nhĩ trái, một núm duy nhất - Hợp kim Nitinol được phủ lớp Titanium thể hiện tính tương thích sinh học và giảm tối thiểu giải phóng Nickel - Miếng PET cho phép quá trình nội mạc hoá nhanh - Điểm kết nối giữa dù với cáp thả dù dạng viên bi giúp khoá dù an toàn, phù hợp với giải phẫu học. Thả dù dễ dàng và nhanh chóng - Kích cỡ: từ 4 - 40 mm (đặc biệt có các kích cỡ 7.5, 10.5, 13.5, 16.5, 19.5) - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO, chứng nhận CE và CFS	1 cái/ Hộp	cái	5

2	CTM92	Dù đóng lỗ bầu dục phủ titanium loại Figulla Flex, 1 núm, kèm cáp thả dù tạo góc nghiêng 50 độ.	- Điểm kết nối giữa dù với cáp thả dù dạng viên bi giúp khoá dù an toàn, phù hợp với giải phẫu học. Thả dù dễ dàng và nhanh chóng - Miếng PET tương thích sinh học cho thấy đóng lỗ thông đạt hiệu quả tức thời - Hợp kim Nitinol được phủ lớp Titanium thể hiện tính tương thích sinh học tối đa và giảm tối thiểu giải phóng Nikel - Công nghệ đan ben không núm và giảm thiểu vật liệu phần đĩa nhĩ trái và cho quá trình nội mạc hoá tốt hơn - Kích cỡ: 18, 25, 30, 35 - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO, chứng nhận CE và CFS	1 cái/ Hộp	cái	1
3	CTM93	Dù đóng lỗ thông liên thất phần màng phủ titanium 1 núm	- Dù đóng thông liên thất được thiết kế một đĩa và một thân - Công nghệ đan ben tạo ra sự mềm mại và không gây tổn thương mô - Thân rộng để bám an toàn - Công nghệ đan ben không núm đầu xa, giảm thiểu vật liệu, ít nhô ra - Hệ thống Delivery Systems thả dù nhỏ - Dễ định vị và thu dù lại - Kích cỡ: 4,6,8,10,12 - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO, chứng nhận CFS	1 cái/ Hộp	cái	1
4	CTM94	Dù đóng ống động mạch, phủ Titanium, loại thân chuẩn và thân dài, 1 núm, có kèm cáp thả dù	- Dù được phổ biến ở hai loại thân: thân chuẩn và thân dài - Dù có profile phần động mạch chủ nhỏ, không có núm đầu xa - Thiết kế thân dù tránh nguy cơ huyết khối - Tạo lực bám vào động mạch phổi tại điểm cuối của ống động mạch - Với cấu trúc đan ben đặc biệt làm khả năng linh hoạt và thích ứng tốt - Đường kính từ 3.5mm-14mm - Kích cỡ: + Thân chuẩn có các size: 5,6,7,8,10,12,15,18. Chiều dài: 4.25-16mm + Thân dài có các size: 5,6,7,8,10. Chiều dài: 7-10.50mm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO, chứng nhận CE và CFS	1 cái/ Hộp	cái	2

5	CTM95	Dụng cụ bưng đủ có valve vận cầm máu, kết cấu lõi lưới kim loại, loader nén đủ trong suốt kiểm soát bóng khí	- Ống nong được làm bằng vật liệu trơn láng giảm thiểu ma sát. Ống nong luồn vào ống thả tạo thành một bộ ống đưa vào mạch máu. Đường ống bên trong tương thích với guide wire 0.035" - Ống thả bao gồm lớp bên ngoài trơn láng, lớp bên trong giảm ma sát, tăng cường bằng lớp đan bên kim loại tạo sự chịu lực và cân quang. Ống thả có đầu gần kết nối dễ dàng với ống nong hoặc ống chứa đủ - Loader nén đủ được làm bằng vật liệu giảm ma sát và trong suốt cho phép kiểm soát bóng khí - Y - connector có van cầm máu. - Phở biến ở 2 loại đầu cong 45° dài 800mm và 180° dài 800mm. Kích cỡ: 6F-14F - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO, chứng nhận EU và CFS	1 cái/ Hộp	cái	9
6	CTM96	Dây dẫn cứng Occlutech- dùng trong can thiệp tim bẩm sinh (các kích cỡ)	- Dây dẫn cứng sử dụng lõi thép không gỉ và phủ lớp PTFE. Sự kết hợp này mang lại sự hỗ trợ ổn định - Phần đầu hình J mềm không gây chấn thương điều khiển bằng cách xoay - Cấu hình cứng kết hợp với đầu dây linh hoạt hơn, an toàn và dễ dàng - Kích cỡ: đường kính 0.035 inch, chiều dài 260cm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO, chứng nhận EU và CFS	1 cái/ Hộp	cái	9
7	CTM97	Bộ dụng cụ mở đường dùng trong can thiệp tim mạch và ngoại biên	- Dây dẫn chất liệu polymer với lớp phủ ại nước và ống thông IV - Kích thước: 4,5, 6, 7, 8, 9, 10, 11F - Chiều dài sheath: 8cm, 11, 13, 15, 18, 23cm - Dây dẫn dài 45 cm, đường kính 0.021", 0.025", 0.035" - Que nong dài: 13.5 cm và 16.5 cm - Kim trocar cỡ: 18G, 20G dài 3 cm - Xuất xứ: G20 - Đạt tiêu chuẩn FDA và CE	1 bộ/ túi	Bộ	200

8	CTM98	Bộ dụng cụ mở đường mạch đùi	- Nguyên liệu: PVC và silicone: dẻo dai, chống xoắn - Bao gồm: Kim chọc nội mạch, Guide wire phủ hydrophilic (đầu thẳng, đầu J hoặc đầu cong 135 độ), dao mổ, sheath, Xylan, dilator - Chiều dài wire: 45cm - Sheath 4F đến 11F, kim chọc 18-20G, dài từ 5cm đến 11cm - Đường kính wire 0.025", 0.035", 0.038" - Có chứng nhận FDA	05 Cái/Hộp	cái	100
9	CTM99	Bộ dụng cụ mở đường mạch quay	- Gồm có: Sheath có van cầm máu, chiều dài ≥ 7cm, kính thước: ít nhất có loại 5F, 6F, 7F, Guidewire (đường kính 0.018", 0.021", 0.035", chiều dài ≥ 45cm) hoặc guidewire (đầu thẳng, đầu J hoặc đầu cong 135 độ) Kim chọc mạch 20G; Dao rạch, Dilator. - Có chứng nhận FDA - Xuất xứ G7	05 Cái/Hộp	cái	300
10	CTM100	Dụng cụ mở đường động mạch quay	- Dụng cụ mở đường động mạch quay, chất liệu polyethylene hoặc Polypropylene hoặc PVC gồm: Kim chọc mạch, dây dẫn, sheath, dilator, dao mổ. - Tương thích dây dẫn từ 0.018" đến 0.025" - Độ dài sheath có tối thiểu 3 cỡ chiều dài - Đường kính ngoài ≤ 8F - Có chứng nhận FDA hoặc CE - Xuất xứ: các nước G7	5 cái/ hộp	cái	200
11	CTM101	Dụng cụ mở đường động mạch đùi	- Dụng cụ mở đường động mạch đùi, chất liệu polyethylene hoặc Polypropylene hoặc PVC gồm: Kim chọc mạch, dây dẫn, sheath, dilator, dao mổ. - Tương thích dây dẫn 0.025", 0.038" - Độ dài sheath có tối thiểu 3 cỡ chiều dài - Chiều dài của dây dẫn đường: ≥ 45cm. - Đường kính ngoài ≤ 10F - Có chứng nhận FDA hoặc CE - Xuất xứ: các nước G7	5 cái/ hộp	cái	200

12	CTM102	Dụng cụ mở đường vào động mạch quay thành mỏng	- Dụng cụ mở đường vào động mạch quay, phủ lớp ái nước - Dây dẫn làm bằng nhựa hoặc tương đương, đường kính dây dẫn 0.025" - Kèm kim chọc mạch và dao rạch da - Kích cỡ $\leq 6F$ - Xuất xứ: các nước G7 - Có chứng nhận FDA hoặc CE	5 cái/ hộp	cái	200
13	CTM103	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch thành mỏng phủ ái nước	Dụng cụ mở đường quay cấu trúc lưới đan kim loại, cho thiết kế thành mỏng, Đường kính: 4F, 5F, 6F, 6.5F, 7F, 8F, 9F. Chiều dài sheath 7, 11, 15cm. Guidewire 0.018", 0.025" hoặc 0.035". Loại 6F có đường kính trong 2.18mm. Loại 6.5F đặc biệt có đường kính ngoài bằng với 6F thông thường, có đường kính trong 2.31mm. Phù hợp các ca CTO can thiệp qua đường mạch quay Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO, EC - Bơm tiêm thuốc cản quang dung tích từ đủ 1-20ml - Pittong thiết kế ≥ 5 màu sắc khác nhau - Chất liệu polycarbonate hoặc tương đương - Xuất xứ G7. Tiêu chuẩn ISO và CE	1 cái/ túi	cái	200
14	CTM104	Bơm tiêm có đầu xoay	Thân sheat dài ≤ 90cm, chất liệu: lớp lõi PTFE hoặc tương đương có phủ Polymer.	1 cái/ túi	cái	1150
15	CTM105	Bộ dụng cụ mở đường động mạch	- Đường kính: từ $\leq 5F$ đến $\geq 7F$. - Có van cầm máu, phủ kị nước. - Tương thích dây dẫn $\leq 0.035"$ - Có chứng nhận FDA và CE. - Xuất xứ: OECD/ Châu Âu	1 cái/ túi	cái	60
16	CTM106	Bộ kết nối Manifolds nhiều công	- Có 2,3,4 công phù hợp với nhu cầu sử dụng khác nhau. Riêng đối với loại 3 công có sẵn dây nối dài 20cm đối với công kết nối dạng xoay - Đường kính $\leq 0.093"$, Có thể xoay 360 độ - Tay cầm phủ silicon chắc chắn chống trơn trượt khi thao tác - Xuất xứ G7. Tiêu chuẩn ISO và CE	1 Cái/túi	cái	900

17	CTM107	Thiết Bị Bơm Khí Tạo Hình Bóng Nong	Bơm áp lực cao với thể tích $\geq 25\text{ml}$, Nguyên liệu Polycarbonate - Bộ bơm bóng áp lực cao kèm theo: Van Y cầm máu dạng kết hợp vặn và bấm, khóa chạc 3 xoay 360 độ, torque device - Áp lực bơm tối đa $\geq 30\text{atm}$ - Thể tích xy lanh $\geq 25\text{ml}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	01 Cái/ hộp	cái	500
18	CTM108	Dụng cụ đóng mạch máu cơ chế kép, có nút collagen	- Cấu tạo: + Dụng cụ đóng mạch + 01 dây dẫn cỡ đường kính $\leq 0.038\text{inch}$. Chiều dài $\geq 70\text{cm}$ + 01 Ống thông mở đường + Bộ phận đóng mạch, kích thước $\geq 5\text{F}$ - Các bộ phận lưu lại trong cơ thể đều có khả năng tự tiêu sinh học - Có chứng nhận FDA hoặc CE - Xuất xứ: các nước G7	5 cái/ hộp	cái	70
19	CTM109	Dụng cụ đóng mạch máu sau can thiệp	- Dụng cụ đóng mạch (bao gồm Nút bấm triển khai, Cổng quan sát, Hệ thống chỉ báo máu chảy ngược) - Dụng cụ đóng mạch cho lỗ vào động mạch trong khoảng từ 5F tới 8F - Nút cầm máu đóng mạch chất liệu PGA tự tiêu hoàn toàn sau 60-90 ngày - Đảm bảo khả năng cầm máu sau đóng lòng mạch - Đạt tối thiểu chứng nhận: ISO	1 Cái/ Túi	Cái	40

20	CTM110	Bộ khăn chụp mạch vành 3 lỗ	Bao gồm: 01 Khăn chụp mạch vành (đùi và tay) A3 kích thước 240 x 370 cm: Vải không dệt 5 lớp được gia cố bằng vải có độ cứng uốn dọc $\leq 2,4$ mN/cm theo tiêu chuẩn ISO 9073-7. Lỗ đùi kích thước D 13 cm, lỗ trên màng phẫu thuật D 7 cm, lỗ tay kích thước D 8 cm, lỗ trên màng phẫu thuật D 6 cm 01 tấm phủ đa dụng kích thước 150 x 140 cm. Vật liệu PE trong suốt 01 tấm phủ chấn chỉ kích thước 150 x 140 cm. Vật liệu PE trong suốt 01 Khăn trải bàn dụng cụ L kích thước 140 x 200 cm 01 Bao chụp đầu đèn MS kích thước Ø 60 cm: Màng PE trong với dây thun co giãn + 01 Bao kính chắn chì kích thước 100 x 120 cm: Màng plastic trong với thun co giãn ở miệng 01 Bao remote kích thước 10 x 26 cm: Túi PE có nắp keo 04 Khăn thấm kích thước 30 x 40 cm: Vải spunlace 01 Bông cầm máu size M kích thước 1.5 x 2.2 x 3.5. Được cấu tạo từ polypropylene, polyethylene; lực nén 50% đường kính ngoài 740N theo tiêu chuẩn ASTM D 2659 - 2016 Đạt tiêu chuẩn ISO14001, CE và FDA	4 bộ/ hộp	bộ	1000
21	CTM111	Áo phẫu thuật	Bao gồm: áo choàng phẫu thuật và khăn thấm - 01 áo choàng phẫu thuật làm từ vật liệu SMS. Size L và M theo tiêu chuẩn. Áo dài tay bao phủ toàn thân từ cổ đến đầu gối, có dây buộc cổ định sau lưng, dây buộc ở cổ và eo - 02 khăn thấm có độ thấm hút cao - Tiệt trùng: E.O	bộ/ hộp	bộ	3700
22	CTM112	Xốp cầm máu cỡ trung bình	- Chitosan 100%. - Công dụng: Cầm máu sau can thiệp nội mạch Kích thước: 35x35 mm. Tiêu chuẩn FDA (USA)	miếng/ bộ	miếng	500
23	CTM113	Xốp cầm máu cỡ to	- Chitosan 100%. - Công dụng: Cầm máu sau can thiệp nội mạch Kích thước: 50x50 mm. Tiêu chuẩn FDA (USA)	miếng/ bộ	miếng	500

24	CTM114	Điện cực tạo nhịp tạm thời có bóng	Dây điện cực tạo nhịp Eledyn có bóng. Ống thông Polyurethane chống huyết khối, có marker cách nhau mỗi 100mm để xác định độ sâu. chân cắm: 2mm được mạ vàng. Dây điện cực 110cm, chiều dài điện cực 5 mm, khoảng cách giữa 2 điện cực 10mm. Có bơm tiêm Omnifix kèm theo để bơm bóng	bộ/ hộp	bộ	30
25	CTM115	Bộ đầu dò siêu âm lòng mạch	Catheter siêu âm lòng mạch tích hợp cận hồng ngoại Tương thích hướng dẫn can thiệp 6F Tương thích với dây dẫn ≤ 0.014 inch Dải tần số IVUS: 35 - 65 MHz; Băng thông 60% Chiều dài làm việc ≥ 160 cm Được phủ hai lớp ái nước Hydrophilic Tiêu chuẩn: FDA, ISO 13485 - 2016 Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu	1 Cái/hộp	Cái	100
26	CTM116	Kim chọc mạch	Mô tả: - Thân kim (cannula) được chế tạo từ thép không gỉ SS304V, với bề mặt kim loại hoàn thiện cao - Kim được thiết kế với đầu kim vát sắc cải tiến, cho phép xuyên mạch êm ái và chính xác hơn khi thực hiện kỹ thuật Seldinger - Bề mặt mịn hơn, thành ngoài mỏng, giúp tăng đường kính trong của thân kim (cannula) Phân loại: 6 loại 1/ Đầu kim vuông 2/ Đầu kim hình chữ Y 3/ Đầu kim tròn 4/ Kim cùn 5/ Kim nhí khoa 6/ Kim Jelco Tiêu chuẩn: CE MDR, ISO Xuất xứ: G20	50 cái/ Hộp	Cái	200
27	CTM117	Bơm tiêm có đầu xoay	- Bơm tiêm dung tích: 1, 3ml, 5ml, chất liệu Polycarbonate. - Khóa luer xoay đảm bảo an toàn đầu nối. - Có 5 màu sắc khác nhau.	01 Cái/túi	Cái	300
28	CTM118	Lưới lọc tĩnh mạch các loại, các cỡ.	Lưới lọc tĩnh mạch các loại, các cỡ. - Bao gồm : lưới lọc, dụng cụ mở đường vào , dây dẫn đường. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng CE MDR - Xuất xứ: G7	1 bộ/ hộp	bộ	10

28	CTM119	Bộ lấy lưới lọc tĩnh mạch chủ dưới.	Bộ lấy lưới lọc tĩnh mạch chủ dưới gồm: catheter kẹp, bộ dụng cụ mở đường, kim chọc, dây dẫn chữ J - Có 3 loại: thẳng, uốn sẵn, 2 trong 1 - Sheath có đường kính tối thiểu $\leq 9F$, chiều dài ≥ 550 mm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng CE MDR - Xuất xứ: G7	1 bộ/ hộp	bộ	10
29	CTM120	Dụng cụ lấy dị vật loại I	- Dụng cụ lấy dị vật chất liệu nitinol nhớ hình - Đường kính tối thiểu $\leq 2mm$, tối đa $\geq 7mm$ - Chiều dài catheter tối thiểu $\leq 150cm$ - Có marker của ống thông bằng Platinum-Iridium - Có chứng nhận FDA hoặc CE - Xuất xứ: G7	1 cái/ hộp	cái	10
30	CTM121	Bộ ống dây dẫn áp lực cao	- Bộ ống dây dẫn áp lực cao dài 4m - Thê tích nước vận chuyển 0-12.5lit/h Hỗ trợ làm can thiệp điều trị suy giãn tĩnh mạch: + Tăng áp lực nước làm mất khi bệnh nhân can thiệp suy giãn tĩnh mạch + Giảm thời gian trong can thiệp suy giãn tĩnh mạch Xuất xứ: Châu Âu	1 Cái/hộp	Cái	50
31	CTM122	Bộ Laser điều trị nội mạch	-Đầu đốt laser nội mạch gồm sợi quang học đường kính catheter 600 μm , 400 μm - Đường kính đầu đốt 1.0mm, 1.8mm - Chiều dài của ống thông 2,5m - Máy có thẻ lưu trữ thông tin bệnh nhân Xuất xứ G7	1 Cái/hộp	Cái	50
32	CTM123	Bộ khăn chụp mạch	Mỗi bộ tối thiểu gồm: + Khăn chụp mạch vành: 01 cái + Khăn trải bàn: 01 cái + Bao kính chắn chì: 01 cái + Khăn không keo thấm: 02 cái + Chén nhựa dung tích 100ml: 01 cái + Chén nhựa dung tích 250ml: 01 cái + Chén nhựa dung tích 500ml: 01 cái + Khay nhựa: 01 cái	7bộ/ hộp	Bộ	400

34	CTM124	Xilanh dùng cho máy bơm thuốc cân quang	Xilanh 150ml dùng cho máy bơm thuốc cân quang, bao gồm: 1 xilanh 150ml 1 ống lấy thuốc nhanh chữ J Tuyệt trùng bằng E.O Tương thích với máy bơm thuốc cân quang	1 cái/ hộp	Cái	120
35	CTM125	Dây bơm thuốc cân quang	Dây bơm thuốc cân quang màu trong suốt - Chất liệu: vật liệu PU (Polyurethane) cao cấp có bền xoắn - Chiều dài: 30cm - Áp suất chịu được: 1200psi	01 Cái/túi	Cái	120
36	CTM126	Kim chọc dò ổ bụng	- Đường kính kim cỡ 16G. - Đường kính ngoài 1,7mm. - Chiều dài Catheter 133mm. - Chất liệu cân quang FEP - Mũi vát 3 mặt cắt. - Buồng bảo máu trong suốt. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA, CE."	10 Cái/hộp 5 hộp/thùng	Cái	300
37	CTM127	Khóa 3 chạc không dây nối	- Vật liệu: Thân, trục bằng nhựa Microcrystalline polyamide không có chất phụ gia DEHP - Tiêu chí đặc thù: + Chống nứt gãy, rò rỉ khi truyền với nhũ dịch béo hay các loại thuốc + Góc xoay đa chiều linh hoạt điều chỉnh 360 độ và có tín hiệu hãm cho các nắp xoay 45 độ trong sử dụng, không bị trờn trong quá trình sử dụng + Thể tích mỗi 0,26ml + Chịu áp lực 4 bar + Đóng gói kín, từng chiếc, được tiệt trùng, có đánh dấu vị trí mở, để xé, có ghi hạn sử dụng + Đầu côn 6% đảm bảo không bị rò rỉ - Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016 - Chứng nhận CE MDR - Xuất xứ: Châu Âu	túi 1 cái	Cái	150

38	CTM128	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch đùi	- Dụng cụ mở đường động mạch đùi, chất liệu Polypropylene gồm: Kim chọc mạch, dây dẫn, sheath, dilator - Tương thích dây dẫn 0.025", 0.038" - Chiều dài của dây dẫn đường: 45cm và 80cm. - Đường kính ngoài 4F, 5F và 6F	1 bộ/ hộp	Bộ	120
39	CTM129	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch quay	- Dụng cụ mở đường động mạch quay, chất liệu Polypropylene gồm: Kim chọc mạch, dây dẫn, sheath, dilator - Tương thích dây dẫn 0.025" - Đường kính ngoài 4F, 5F và 6F	1 bộ/ hộp	Bộ	20
40	CTM130	Bộ van cầm máu (Van cầm máu chữ Y)	- Bộ van cầm máu bao gồm: Dầu nối chữ Y, dụng cụ cố định dây dẫn - Đường kính 9F - Có 2 cổng nối - Chịu được áp lực 500psi - Bộ van cầm máu có các loại: xoay, đẩy kéo và đẩy bầm	1 bộ/ hộp	Bộ	30
41	CTM131	Túi truyền áp lực cao dùng nhiều lần	Túi truyền áp lực cao dùng để tạo áp lực lên túi truyền dịch tĩnh mạch (IV) nhằm hỗ trợ truyền dịch nhanh chóng Cấu tạo tối thiểu gồm thành phần: + Thân túi vật liệu PU (Polyurethane) trong suốt giúp để quan sát mức dịch truyền bên trong. Vật liệu bền, dễ vệ sinh + Bóng bóp tạo áp lực vật liệu PVC mềm, tạo áp lực đồng đều lên toàn bộ túi + Đồng hồ đo áp lực aneroid 2.5 inch, mã hóa màu theo khoảng đo tối thiểu từ 0-700mmHg (khoảng hoạt động 0-300mmHg, độ chính xác $\pm 20\%$), các vạch đo cách nhau 100mmHg + Van khóa 3 chạc vật liệu PSU+HDPE+PC, giúp xả khí ngay lập tức mà không cần bóp bóng bơm + Có móc treo vật liệu ABS, van kiểm soát, van một chiều,.... Có thể tái sử dụng nhiều lần (30 lần $\pm$ 5 lần) Đạt tiêu chuẩn ISO 1345 hoặc tương đương	1 cái/ túi	Cái	6

42	CTM132	Bộ bơm bóng Disposable inflation device kits	Bộ bơm bóng áp lực cao bao gồm bộ phận kết nối Y-adaptor đầu xoay hoặc đầu bấm, van khóa (Stopcock), lá dây (torquer). Cán hình vuông áp dụng cho các kích cỡ bàn tay khác nhau. Nút thất làm giảm trơn trượt. Phần bọc mềm trên nút xả bơm giúp làm giảm độ rung khi rút khí. Dung tích 30ml, áp lực 30atm/bar. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE	01 bộ/túi	Bộ	20
43	CTM133	Keo dán sinh học	Thành phần: n- butyl - 2- cyanoacrylate, là chất kết dính mô giúp đông cứng một cách nhanh chóng khi tiếp xúc với dịch tiết mô qua phản ứng polyme hóa. Sử dụng đóng vết thương sau phẫu thuật, cầm máu tĩnh mạch, dán Mesh nội soi. Tiêu chuẩn FDA, EC	hộp 10 lọ	lọ	100
44	CTM134	Xốp cầm máu Lyostypt	Vật liệu cầm máu collagen tự tan 5x8cm. Tan hoàn toàn sau 3 tuần. Đóng gói vô khuẩn từng miếng. Tiêu chuẩn EC, ISO	hộp 6 miếng	miếng	50
45	CTM135	Hạt nút mạch Contour™ Embolization Particles	Thành phần là các hạt nhựa PVA Kích thước 45-1180 micron Đóng gói vô trùng, lọ 1cc Chỉ định để nút mạch các khối u tăng sinh mạch máu ngoại biên, bao gồm u xơ tử cung và dị dạng động tĩnh mạch ngoại biên (AVMs) Tiêu chuẩn CE, FDA - Xuất xứ châu Âu	1 cái/ hộp	lọ	30
46	CTM136	Vật liệu nút mạch có tải thuốc các cỡ ≤300µm	- Thành phần: Poly Copolymer (Poly Sodium Acrylate Vinyl Alcohol) hoặc tương đương. - Kích cỡ hạt: từ ≤ 20µm đến ≥ 200µm. - Số lượng hạt/ lọ: từ ≤ 9.400 đến ≥ 2.100.000 hạt tùy kích cỡ. - Lọ tối thiểu ≥ 10ml - Kích thước hạt sau khi ngâm thuốc tăng gấp ≥ 4 lần so với kích thước hạt khi còn khô - Có chứng nhận FDA hoặc CE - Xuất xứ: các nước G7	1 Lọ/ hộp	Lọ	15

47	CTM137	Vật liệu nút mạch không tải thuốc	- Thành phần: Acrylic Polymer và Gelatin hoặc tương đương. - Kích cỡ hạt: từ $\leq 40\mu\text{m}$ đến $500\mu\text{m}$. - Vật liệu có thể nén tạm thời lên tới $\geq 33\%$ để đi qua vi ống thông. - Ống tối thiểu 2ml. - Có chứng nhận FDA hoặc CE - Xuất xứ: các nước G7	1 Lọ/ hộp	lọ	15
48	CTM138	Vòng xoắn kim loại (Coil) gây tắc mạch Interlock Fibered IDC Occlusion System	Coil nút mạch được làm từ hợp kim platinum-tungsten, cuộn dây có các sợi tổng hợp Dacron bao phủ dày đặc giúp tăng tạo cục máu đông, thiết kế khóa lồng vào nhau giúp tăng khả năng kiểm soát, độ chính xác khi thả và có thể thu lại coil. - Đường kính từ 2/6mm đến tối đa 22 mm. - Chiều dài: từ 2.3cm đến tối đa 60 cm. - Hình dạng coil: 2D, Diamond, Cube. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA. Xuất xứ châu âu	1 cái/ hộp	Cái	50
49	CTM139	Vòng xoắn kim loại (Coil) gây tắc mạch Complex Helical-18/Figure 8-18/Straight -18 /Vortex Diamond – 18/Vortex-18/Vortex-35/Multi-Loop-18	Vòng xoắn kim loại (Coil) gây tắc mạch: dạng coil dày: - Chất liệu: Hợp kim Platinum nên có độ cản quang cao, cho hình ảnh rõ nét. - Được bao phủ dày đặc bởi các sợi Dacron giúp tắc mạch nhanh. - Vòng ngoài cuộn dây được thiết kế để dễ dàng xuyên qua microcatheter và giảm khả năng gây tổn thương thành mạch. - Đường kính 2-11 mm. - Chiều dài trong introducer: Từ 2 đến 85mm. - Chiều dài khi thả: từ 2.0 đến 17mm. - Hình dạng Coil: Complex Helical, Vortex, Vortex Diamond, Straight, Figure 8, Multi-Loop Xuất xứ châu âu.	1 cái/ hộp	Cái	50
50	CTM140	Dụng cụ lấy dị vật	- Dụng cụ lấy dị vật, chất liệu Nitinol - Vòng cản quang chất liệu tungsteng mạ vàng - Đường kính 5mm, 10mm, 15mm, 20mm, 25mm, 30mm, 35mm - Chiều dài hệ thống 65cm, 120cm - Xuất xứ: G7	1 bộ/ hộp	Bộ	2

51	CTM141	Bộ dụng cụ lấy huyết khối trong lòng mạch máu các loại, các cỡ (bao gồm: ống hút, vi ống thông, khoan huyết khối, giá đỡ kéo huyết khối...) huyết khối...)	Cấu trúc gồm 2 lớp cuộn bằng nitinol và bên bằng thép không gỉ, lớp lót bên trong được là bằng PTFE và chất đàn hồi polyolefin Đường kính trong: $\geq 0.071"$ / 1.8mm Đường kính ngoài: $\leq 0.082"$ / 6F/ 2.1mm Chiều dài hoạt động từ ≤ 125 cm đến ≥ 132 cm Đoạn xa dài ≥ 15 cm Chiều dài lớp phủ: ≥ 100 cm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE	1 Hộp/1 Bộ	Bộ	10
52	CTM142	Dụng cụ lấy huyết khối	- Cấu trúc thiết kế vòng ring khép kín dạng đóng - Chiều dài dây đưa vào: ≥ 200 cm. - Tương thích với vi ống thông có đường kính trong (ID): 0.021inch, 0.0165/0,017 inch . - Đường kính stent từ ≤ 3 mm đến ≥ 6 mm. - Chiều dài stent từ ≤ 20 mm đến ≥ 50 mm - Chiều dài tổng thân stent: 30-64mm - Dùng cho mạch máu đường kính tối thiểu 2mm hoặc 1.5mm . - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE"	1 Hộp/1 Chiếc	Cái	10
V		Máy tạo nhịp				
1	CTM143	Máy tạo nhịp 1 buồng đáp ứng tần số, có chụp được MRI	- Tạo nhịp tim, 1 buồng, đáp ứng nhịp - Có tính năng ổn định nhịp thất khi có AT/AF - Cho phép lập trình biên độ tạo nhịp an toàn lên tới 4 lần ngưỡng tạo nhịp - Thể tích máy ≤ 9.7 cc, trọng lượng ≤ 21.5 gram - SureScan: cho phép chụp MRI toàn thân 1,5T và 3T - Tự động theo dõi và điều chỉnh: ngưỡng nhận cảm, trở kháng dây, cực tính của dây - Có tính năng quản lý xung tạo nhịp đầu ra - Tuổi thọ pin trung bình > 10 năm	hộp 1 bộ	bộ	3

2	CTM144	Máy tạo nhịp 2 buồng đáp ứng tần số, có chụp được MRI	- Tạo nhịp tim, 2 buồng có đáp ứng tần số - Thể tích máy $\leq 12,1$cc, trọng lượng $\leq 27,1$ gram - Có tính năng ổn định nhịp thất khi có AT/AF (Conducted AF response) - Cho phép lập trình khoảng thời gian và tần số tạo nhịp ngay sau cơn AT/AF(PMOP) - Cho phép lập trình biên độ tạo nhịp an toàn lên tới 4 lần ngưỡng tạo nhịp - Có tính năng đáp ứng với rớt nhịp (Rate drop response) - Có 05 tính năng can thiệp và điều trị nhịp nhanh nhĩ - Có tính năng quản lý xung tạo nhịp đầu ra kênh nhĩ và kênh thất - Có một tính năng giám tạo nhịp thất không cần thiết - Có bốn tính năng can thiệp và điều trị nhịp nhanh nhĩ - SureScan: cho phép chụp MRI toàn thân 1,5T và 3T - Tuổi thọ pin trung bình >11 năm	hộp 1 bộ	bộ	3
3	CTM145	Bộ máy tạo nhịp 1 buồng có đáp ứng tần số, cho phép chụp MRI toàn thân, chuyển chế độ chụp MRI bằng thiết bị cầm tay	- Bộ máy tạo nhịp tim 1 buồng có đáp ứng tần số, bao gồm: 1 thân máy, 1 dây điện cực tạo nhịp, 1 introducer - Cho phép chụp MRI toàn thân 1,5 Tesla - Có thể kích hoạt và tắt kích hoạt chế độ chụp MRI bằng thiết bị cầm tay - Hệ thống tạo nhịp đáp ứng tới đa ngưỡng tạo nhịp, ghi nhận tạo nhịp thất thành công - Có chứng nhận FDA hoặc CE	hộp 1 bộ	bộ	1
4	CTM146	Máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng tần số với chức năng tự động kiểm tra ngưỡng thất cho mỗi xung tạo nhịp, tương thích MRI toàn thân 3 Tesla	- Bộ máy tạo nhịp tim 2 buồng có đáp ứng tần số, bao gồm: 1 thân máy, 2 dây điện cực tạo nhịp, 2 introducer - Cho phép chụp MRI toàn thân 1,5 Tesla, 3 Tesla - Có thể kích hoạt và tắt kích hoạt chế độ chụp MRI bằng thiết bị cầm tay - Hệ thống tạo nhịp đáp ứng tới đa ngưỡng tạo nhịp - Tự động nhận cảm, dẫn truyền thất nội tại; tạo nhịp kiểm soát rung nhĩ; Có cảnh báo loạn nhịp nhanh nhĩ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	hộp 1 bộ	bộ	3

5	CTM147	Bộ dụng cụ cấy máy bó nhánh trái	- Catheter tạo nhịp hệ thống dẫn truyền gồm: catheter, que nong, 1 dây dẫn 0,035", 1 dao mổ - Có tích hợp van cầm máy và phần đầu tip có khả năng cân quang - Đường kính trong 7F, đường kính ngoài 9F - Chiều dài làm việc 42 cm; 45 cm	hộp 1 bộ	bộ	3
6	CTM148	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng	- Tạo nhịp đáp ứng tần số - Tương thích MRI 1,5T và 3T không giới hạn thời gian chụp và chiều cao của bệnh nhân - Có hệ thống giám sát điện cực, cảnh báo bất thường trở kháng và ngưỡng cao bất thường - Có chế độ chuyển đổi chế độ nhằm ưu tiên dẫn truyền tự nhiên để giảm tạo nhịp thất - Tính năng đáp ứng khi rút nhịp - Tích hợp kết nối Bluetooth năng lượng thấp để truyền dữ liệu an toàn - Lập trình cơ bản dựa vào các điều kiện của bệnh nhân: Tình trạng buồng nhĩ, dẫn truyền nhĩ thất, suy tim, tuổi và mức độ hoạt động	1 bộ/ hộp	bộ	7
7	CTM149	Bộ máy tạo nhịp phá rung 1 buồng	- Thiết kế đường cong vật lý - Thời gian sạc trung bình khi bắt đầu đời sống máy 8.4 giây - Năng lượng sốc tối đa 40J - Điều trị nhịp nhanh thất ATP trước và trong khi sạc tự - Cho phép cài đặt vùng phân biệt nhịp nhanh trên thất trong vùng phát hiện rung thất 240ms - Tùy chọn không xâm lấn để xử lý các trường hợp bị "nhận lầm sóng T" - Tương thích MRI 1,5T và 3T không giới hạn thời gian chụp và chiều cao của bệnh nhân - Dữ liệu về hoạt động của tim được ghi lại 14 tháng - Dữ liệu về trở kháng dây và biên độ sóng R được ghi lại 80 tuần - Lập trình được hai kiểu âm cảnh báo khi phát hiện bất thường trở kháng, điện áp pin, thời gian sạc - Tuổi thọ pin tối đa 13.6 năm	1 bộ/ hộp	bộ	3

8	CTMI50	Túi bọc kháng khuẩn tự tiêu cho máy tạo nhịp	- Kích thước: dài x rộng $\leq 7,4$ cm x 8,5 cm - Túi bọc kháng khuẩn được làm từ lưới dệt kim đa sợi với lớp phủ polymer polyarylate có thể hấp thụ - Túi có chứa các kháng sinh rifampicin và minocycline, mỗi loại có nồng độ 102 µg/cm² - Lưới nền Glycopolene II bao gồm glycolide, caprolactone và triethylene cacbonat, các thành phần tương tự được tìm thấy trong chi khâu có thể hấp thụ	hộp 1 bộ	bộ	3
9	CTMI51	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng tần số, sử dụng điện cực tạo nhịp đường dẫn truyền (Bó nhánh trái)	- Loại máy DDDR - Bộ máy gồm ống thông và phụ kiện hỗ trợ đặt điện cực tạo nhịp đường dẫn truyền - Tương thích MRI 1,5 và 3 Tesla toàn thân, có chương trình MRI AutoDetect tự động chuyển chế độ chụp MRI trong từ trường MRI - Có kết nối wandless (không dây), Home Monitoring (theo dõi từ nhà), đo trở kháng lồng ngực - Thời gian hoạt động dự tính 11 năm 4 tháng với ghi lại 2 kênh điện tim với tiền sử - Kích thước máy: 48 mm x 44 mm x 6.5 mm - Nhịp cơ bản đến 200 n/p - Có các chương trình giảm tạo nhịp thất: Vp Suppression, AV Hysteresis và IRSplus - Có chức năng Atrial overdrive giúp ngăn ngừa rung nhĩ/nhanh nhĩ - Có chức năng Atr. NIPS giúp phá các cơn nhanh nhĩ, rung nhĩ - Dây điện cực tạo nhịp tương thích MRI toàn thân 1,5 và 3 Tesla. Có lớp phủ fractal Iridium - Bó nhánh trái	hộp 1 bộ	bộ	5

10	CTM152	Máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng tần số sinh lý, tự động điều trị nhịp nhanh nhĩ, kết nối không dây Wandless, chụp MRI toàn thân, chương trình MRI Guard tự động chuyển chế độ chụp MRI trong từ trường MRI	- Loại máy DDDR - Tương thích MRI 1,5 và 3 Tesla toàn thân, có chương trình MRI Guard 24/7 tự động chuyển chế độ chụp MRI trong từ trường MRI - Có kết nối wandless (không dây), Home Monitoring (theo dõi từ nhà), đo trở kháng lồng ngực - Có nhịp đáp ứng tần số sinh lý CLS - Có chương trình aATP tự động điều trị các cơn nhịp nhanh nhĩ - Thời gian hoạt động dự tính 14 năm 10 tháng - Kích thước máy: 48 mm × 44 mm × 6.5 mm - Nhịp cơ bản đến 200 n/p - Có các chương trình giảm tạo nhịp thất: Vp Suppression, AV Hysteresis và IRSplus - Có chức năng Atr. NIPS giúp phá các cơn nhanh nhĩ, rung nhĩ - Dây điện cực tạo nhịp dùng kim chọc 6F, tương thích MRI toàn thân 1,5 và 3 Tesla. Có lớp phủ fractal Iridium	hộp 1 bộ	bộ	3
----	--------	--	---	----------	----	---

(MẪU BÁO GIÁ)

Công ty.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại liên hệ:

Email:.....

....., ngày.....tháng.....năm

Báo giá

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa Hà Đông

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa Hà Đông, Chúng tôi là....., có địa chỉ tại.....Chúng tôi xin gửi tới Quý Bệnh viện bản chào hàng vật tư can thiệp mạch như sau:

1. Báo giá cho danh mục, số lượng mua sắm vật tư can thiệp mạch năm 2026

tại Bệnh viện Đa khoa Hà Đông:

ST T	Mã vật tư	Danh mục	Tên thương mại	Năm sản xuất	Thông số kỹ thuật	Hãng SX/Nước SX	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đã bao gồm thuế, phí, lệ phí nếu có) (VNĐ)	Thành Tiền (Đã bao gồm thuế, phí, lệ phí nếu có) (VNĐ)
1											
2											
....											
Tổng cộng											

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu có liên quan của vật tư)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 90 ngày, kể từ ngày ký

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của danh mục nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....Ngàytháng.....năm....

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CÔNG TY
(Ký và đóng dấu)

